

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về
phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ
và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I - ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Qua 18 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX và Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực; tiềm năng, lợi thế của tỉnh từng bước được phát huy. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm ở mức khá; quy mô kinh tế ngày càng được mở rộng; năm 2022, tổng sản phẩm địa phương (GRDP) đứng thứ 6/14 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, GRDP bình quân đầu người đạt 70,7 triệu đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ. Nông nghiệp phát triển khá toàn diện; du lịch có nhiều khởi sắc; thu ngân sách hàng năm vượt kế hoạch đề ra; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, được quan tâm đầu tư. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch ngày càng đi vào nề nếp; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả tích cực; diện mạo đô thị và nông thôn ngày càng đổi mới; công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Hợp tác giữa tỉnh với các địa phương trong và ngoài nước, với các tỉnh Nam Lào được chú trọng. Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo phát triển cả về quy mô và chất lượng; hoạt động khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ, Bình Định từng bước trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà khoa học trong và ngoài nước; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và phòng chống dịch bệnh được thực hiện khá tốt; mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố và hoàn thiện; đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt kết quả tích cực; an sinh xã hội được đảm bảo, tỷ lệ hộ nghèo giảm qua các năm. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn được nâng lên. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên.

Tuy nhiên, phát triển của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Kinh tế tăng trưởng chưa bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ còn chậm, chưa có đột phá. Hiệu quả hoạt động của Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp còn thấp; thiếu dự án đầu tư quy mô lớn có tính động lực, tạo cú huyých cho phát triển kinh tế. Sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún. Chất lượng ngành dịch vụ chưa cao; sản phẩm du lịch thiếu đa dạng. Thu ngân sách còn khó khăn, chưa bền vững, chưa đáp ứng được nhu cầu chi, nhất là chi đầu tư phát triển. Doanh nghiệp chủ yếu quy mô nhỏ và siêu nhỏ, sức cạnh tranh thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng nhiều nơi chưa hoàn chỉnh, tính kết nối với các địa phương trong vùng chưa cao. Văn hóa - xã hội có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới; thị trường lao động phát triển chậm; chất lượng lao động và việc làm còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; công tác quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường ở một số địa phương còn lỏng lẻo; tình trạng ngư dân khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài còn diễn ra. An ninh, trật tự có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị một số nơi còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên là do: Tỉnh ở xa các trung tâm kinh tế lớn, quy mô kinh tế và xuất phát điểm còn thấp, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế còn cao. Nguồn lực đầu tư cho tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỉnh bị tác động mạnh bởi thiên tai; nhất là trong những năm gần đây, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường cùng với đại dịch COVID-19 chưa có tiền lệ đã ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Năng lực lãnh đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận, quy định của Trung ương, của tỉnh của đội ngũ cán bộ có mặt còn hạn chế, tính năng động chưa cao. Một số ngành, địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong triển khai thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có nơi, có lúc thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, kịp thời.

II - QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh nói riêng và vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nói chung.

- Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động này.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị gắn với thực hiện các nhiệm vụ,

giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của tỉnh góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo đảm hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Chương trình hành động của Tỉnh ủy là căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021 - 2030 bình quân từ 8,5% trở lên, GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 là 204 - 213 triệu đồng/người, tương đương 7.500 - 7.900 USD (theo giá hiện hành).

- Là động lực tăng trưởng của Tiểu vùng Trung Trung Bộ; gắn kết và tác động lan tỏa đối với các tỉnh Bắc Tây Nguyên.

- Kinh tế phát triển nhanh, bền vững và xanh hơn dựa trên các trụ cột tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ du lịch, logistics và vận tải, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế đô thị gắn với quá trình đô thị hóa; phát triển tất cả các lĩnh vực trên nguyên tắc phát triển bền vững là ưu tiên hàng đầu.

- Là trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ và du lịch của vùng duyên hải miền Trung - Tây Nguyên; trung tâm lớn của cả nước về phát triển kinh tế biển; trọng điểm du lịch quốc gia và quốc tế với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại.

- Thực hiện thành công các mục tiêu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư và doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong nhóm cao của cả nước.

- Có mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, hệ thống đô thị phát triển theo hướng đô thị thông minh, kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế của vùng, cả nước và quốc tế, trong đó tập trung phát triển đô thị Quy Nhơn hiện đại về không gian, kiến trúc, khai thác tiềm năng, lợi thế đặc biệt về cảnh quan và khí hậu khu vực ven đầm Thị Nại; quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội.

- Giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân;

bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy tốt bản sắc, các nét đẹp văn hóa các dân tộc, phát triển Quy Nhơn thành trung tâm văn hoá phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

3.1 - Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt từ 8,5%/năm trở lên, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 7 - 7,5%/năm. Kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt 30%.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng chiếm 41,3 - 43,3%; dịch vụ chiếm 34,8 - 35,9%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 16,8 - 17,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,1 - 5,3%.

- GRDP bình quân đầu người (*giá hiện hành*) đến năm 2030 là 204 - 213 triệu đồng/người, tương đương 7.500 - 7.900 USD (*giá hiện hành*).

- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 18,5 nghìn tỷ đồng, đến năm 2030 đạt 30 - 35 nghìn tỷ đồng.

- Tổng lượt khách du lịch đến năm 2030 đạt 12 triệu lượt, trong đó có 2,5 triệu lượt khách quốc tế và 9,5 triệu lượt khách nội địa.

- Vốn đầu tư huy động giai đoạn 2021 - 2030: Khoảng 800 - 850 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 29 - 30 tỷ USD).

- Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 7,2%/năm, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 8,9%/năm, giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 5,4%/năm.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 55%, đến năm 2030 đạt trên 60%; 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 45% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 65% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 25% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3.2 - Các chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%; đạt 45 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 01 vạn dân; duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ công tác và đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh

đường thể thấp còi giảm còn dưới 5,5%.

- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm khoảng 30.000 người; tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2025 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm, từ sau 2030 giảm từ 0,5 - 1,0%/năm.

- Hơn 55% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; có từ 84% trở lên số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; 90% số trường trung học cơ sở và 66% số trường trung học phổ thông trở lên đạt trường chuẩn quốc gia.

3.3 - Các chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 58%.

- Duy trì 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó phân đầu 80% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn.

- Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực thành thị đạt 100%, trong đó: Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 95%; tỷ lệ người dân đô thị còn lại sử dụng nước từ các nguồn cấp nước hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom đạt 95%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để đạt 100%.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

- Đến năm 2045, Bình Định tiếp tục thuộc nhóm dẫn đầu khu vực miền Trung GRDP bình quân đầu người và tỷ lệ đô thị hóa cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

- Là trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nơi ứng dụng trí tuệ nhân tạo quan trọng của Việt Nam.

- Kinh tế phát triển bền vững dựa trên các trụ cột: Công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ thông tin và AI; du lịch chất lượng cao; nông nghiệp hữu cơ và hệ thống logistics hiệu quả.

- Thực hiện thành công các mục tiêu chuyển đổi số theo Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư lớn trong

và ngoài nước.

- Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế về một số ngành, sản phẩm mà tỉnh có lợi thế.

- Các giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đạt mức cao; phúc lợi xã hội bảo đảm hài hòa giữa đô thị, nông thôn và miền núi.

- Quốc phòng, an ninh, bao gồm an ninh trên biển, tuyến núi và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được bảo đảm vững chắc.

III - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức, thống nhất, đồng thuận và quyết tâm cao trong hành động của các ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền bằng nhiều hình thức, phương thức đa dạng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng mạng xã hội để đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tập trung thực hiện, phối hợp tốt công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Chủ động đề xuất và phối hợp đề quy hoạch “Tiểu vùng Trung Trung Bộ”, xác định vị trí, vai trò động lực tăng trưởng của Bình Định đối với cả Tiểu vùng; liên kết phát triển với 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Xây dựng cơ chế liên kết phát triển giữa các địa phương trong Tiểu vùng với các tỉnh khu vực Tây Nguyên.

- Phát triển chuỗi đô thị ven biển gắn kết với hệ thống đô thị của Tiểu vùng Trung Trung Bộ.

- Xây dựng chính sách thu hút các nhà đầu tư chiến lược đối với các “trụ cột” tăng trưởng kinh tế; chính sách phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao; chính sách thu hút nguồn nhân lực.

- Vận dụng mô hình công tư đối tác (PPP) để đẩy nhanh quá trình xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng: sân bay, cảng biển, trung tâm hậu cần nghề cá, y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ...

- Khẩn trương hoàn thành và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phối hợp xây dựng thể chế liên kết vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để điều phối và kết nối phát triển cả vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết; phù hợp với định hướng và đặc thù phát triển vùng.

- Phối hợp với cơ quan Trung ương và tỉnh lân cận triển khai dự án tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Kon Tum để kết nối 3 tỉnh Bình Định, Gia Lai, Kon Tum nói riêng và kết nối Tây Nguyên và duyên hải Trung Bộ nói chung, kết nối với cao tốc Bắc - Nam, tạo bước đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thành các đoạn còn lại của đường ven biển qua địa bàn tỉnh, nối thông với đường ven biển quốc gia qua các tỉnh Quảng Ngãi - Bình Định - Phú Yên.

- Tập trung đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu, nhất là các lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, công nghệ số, kinh tế số, đô thị, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch và dịch vụ, logistics, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, nhất là về thu hút đầu tư, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp..., tập trung phát triển các ngành kinh tế gắn với biển.

3. Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế du lịch dựa trên hệ sinh thái, tiềm năng hiện có và tôn trọng quy luật tự nhiên, đa dạng sinh học.

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn. Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi

giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương, giữa các vùng và kết nối chuỗi giá trị cả nước.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế và chính sách để phát triển nhanh diện tích rừng gỗ lớn; nghiên cứu điều chỉnh Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2035 theo hướng tạo bước đột phá về cơ chế và chính sách hỗ trợ, khuyến khích trồng rừng cây gỗ lớn gắn với công nghiệp chế biến gỗ của địa phương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp, thương mại đến năm 2030 và những năm tiếp theo; tăng cường công tác quản lý, thực hiện có hiệu quả các quy hoạch đảm bảo phát triển đúng định hướng. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn.

- Phát triển dịch vụ theo hướng tỉnh Bình Định trở thành trung tâm văn hóa, du lịch (du lịch biển, du lịch văn hóa và sinh thái), thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, tài chính, y tế, giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên. Ưu tiên phát triển các dịch vụ kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ khác. Gắn phát triển dịch vụ với tiến trình chuyển đổi số, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phát triển mạnh các dịch vụ giá trị gia tăng cao để nâng cao tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế tỉnh. Xây dựng thương hiệu và phát triển Bình Định trở thành một trung tâm dịch vụ quan trọng của vùng, cả nước và khu vực, nhất là trong các lĩnh vực dịch vụ mà tỉnh có thế mạnh như du lịch, logistics và vận tải, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa các dịch vụ thiết yếu như thương mại, bán buôn, bán lẻ để đáp ứng nhu cầu dịch vụ cơ bản của Nhân dân.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng, quảng bá thương hiệu du lịch, lấy điểm nhấn là “Quy Nhơn - điểm đến hàng đầu của Đông Nam Á, trung tâm văn hóa của vùng”; hình thành, phát triển các sản phẩm, điểm, tuyến du lịch mới trong tỉnh; kết nối hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh lân cận, trong vùng và liên vùng...

- Tập trung đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; (4) Công nghiệp và đô thị ven biển; (5) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (6) Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển. Phấn đấu đến năm 2045, Bình Định có những bước đột phá lớn trong phát triển kinh tế biển nhanh

và bền vững tương xứng với lợi thế, tiềm năng của tỉnh, tiến tới nền kinh tế biển xanh. Kinh tế biển của tỉnh thay đổi về cơ cấu ngành nghề theo hướng hiện đại hóa, phát triển các đô thị biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; đời sống Nhân dân vùng biển, hải đảo được cải thiện và nâng cao toàn diện; tài nguyên biển, hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả và bền vững; môi trường biển được bảo vệ; công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng được tăng cường, đồng bộ.

- Hình thành, phát triển các cụm liên kết ngành kinh tế biển ở Nam Trung Bộ (thuộc vùng biển và ven biển: Bình Định - Phú Yên - Khánh Hòa - Ninh Thuận) theo Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nâng cao tỷ lệ đô thị hóa

- Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đô thị hóa trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Xây dựng đô thị thông minh, phát triển đô thị gắn với hình thành, phát triển đô thị khoa học, thung lũng sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo (AI), các trường đại học. Tiếp tục phát triển khu đô thị mới Nhơn Hội và các đô thị trên địa bàn theo quy hoạch; xây dựng chuỗi đô thị biển gắn với Tuyến đường ven biển đoạn qua tỉnh; phát triển các khu đô thị mới, các khu dân cư gắn với phát triển các khu công nghiệp và việc nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông đường bộ (bao gồm cả đường bộ cao tốc), đường sắt (bao gồm cả đường sắt đô thị) và nâng cấp sân bay Phù Cát.

- Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn, nhất là hệ thống giao thông kết nối giữa các vùng, các địa phương trong tỉnh; tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, duy tu các công trình thủy lợi (hồ chứa, đê, kè, hệ thống tiêu thoát lũ, kênh mương nội đồng...), các dự án cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình mới phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Nghiên cứu bổ sung tuyến giao thông nối huyện An Lão với Quốc lộ 24, hoàn thiện tuyến giao thông kết nối thị xã Hoài Nhơn với bắc Kon Tum thông qua Quốc lộ 24.

5. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ, kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu, cụm, điểm công nghiệp, làng nghề, rác thải công nghiệp,

rác thải sinh hoạt,... Lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương. Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai, thực hiện chủ động, đồng bộ các giải pháp phòng, chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu, kết hợp giữa xây dựng, củng cố công trình phòng, chống thiên tai với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai góp phần giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

- Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

- Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, nâng cao chất lượng rừng nhằm tăng cường khả năng hấp thụ các-bon, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên.

6. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

- Phát triển văn hóa, thể thao bảo đảm giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương; tu bổ, bảo tồn, phát huy giá trị các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa, lịch sử, nghệ thuật truyền thống, dân gian; xây dựng, phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành Trung tâm văn hóa phía Nam của Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với thể thao và phát triển du lịch. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận Võ cổ truyền Bình Định là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Y tế công lập giữ vai trò chủ đạo trong công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; tạo điều kiện thuận lợi cho y tế ngoài công lập phát triển, cung ứng các dịch vụ y tế để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân. Thực hiện hiệu quả các chính sách về dân số, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe. Phát triển hài hòa giữa công tác khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng với công tác y tế dự phòng. Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng.

- Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo ở các cấp, bậc học trong hệ thống giáo dục của tỉnh. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị đồng bộ, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, dạy và học ngày càng cao. Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng,

bảo đảm cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với mở rộng hội nhập, giao lưu khu vực và quốc tế.

- Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề theo hướng tăng cường gắn kết giữa nhu cầu của người học, của nhà trường với người sử dụng lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả 3 chương trình mục tiêu quốc gia. Mở rộng và phát triển toàn diện các lĩnh vực an sinh xã hội. Tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt và có khả năng hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau; đồng thời, gắn kết chặt chẽ, cân bằng với hệ thống chăm sóc xã hội, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng của người dân. Không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội và phát triển đa dạng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Xây dựng Bình Định trở thành điểm đến ngày càng hấp dẫn của các doanh nghiệp công nghệ, nhà khoa học trong nước và trên thế giới. Xây dựng, phát triển và phát huy hiệu quả của Khu Đô thị khoa học Quy Hòa, các dự án trí tuệ nhân tạo và các dự án khoa học, công nghệ khác, góp phần tăng nhanh tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big data). Phát huy vai trò của Trung tâm Khám phá khoa học và đổi mới sáng tạo trong việc tăng cường đổi mới sáng tạo trong hoạt động của doanh nghiệp. Phát triển hạ tầng dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi từ chính quyền điện tử sang chính quyền số gắn với hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng kinh tế số và xã hội số. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu tại các đơn vị sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện, xã.

7. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Trung ương, địa phương về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; chú trọng địa bàn trọng điểm và vùng biên. Nâng cao hiệu quả phối hợp hoạt động giữa công an, quân sự và bộ đội biên phòng nhằm đảm bảo yêu cầu hỗ trợ kịp thời xử lý nhanh chóng các tình huống. Tăng cường xây dựng lực lượng công an xã, phường, thị trấn đủ sức giải quyết các vấn đề an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở. Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong giải quyết các vấn đề phức tạp, mâu thuẫn, tranh chấp nảy sinh trong Nhân dân.

- Tăng cường vận động Nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, nắm chắc mọi diễn biến tình hình bên trong và bên ngoài, quản lý chặt địa bàn,

đối tượng, nhất là địa bàn trọng điểm, khu vực xã đảo, xã biên giới biển, không để xảy ra điểm nóng. Tập trung đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức và tội phạm có tính chuyên nghiệp, tội phạm sử dụng công nghệ cao và có yếu tố nước ngoài; kiểm chế và giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, củng cố, xây dựng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an, quân sự, bộ đội biên phòng. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, tuyển quân, tuyển sinh, các chính sách đối với lực lượng vũ trang, chính sách hậu phương quân đội.

- Bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển, đặc biệt là các đối tác của các cơ chế hợp tác tiểu vùng sông Mê Công. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN, các đối tác quốc tế, đặc biệt trong phát triển kinh tế biển.

8. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân

- Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các cấp, nhất là tiếp tục thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Kế hoạch số 03-KH/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; tiếp tục thực hiện các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; chất lượng, hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương cụ thể hóa bằng kế hoạch, đề án, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Các ban của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các ban của Trung ương Đảng,
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị ủy, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CPVP, CVNC,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



★ **Hồ Quốc Dũng**

